

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/HS-ST
Ngày: 25 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Phạm Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với:

Bị cáo Đỗ Văn Q, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1995 tại huyện K, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 1 5, xã Đ, huyện K, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên bố không xác định, mẹ là bà Đỗ Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án (02): Tại bản án số 63 ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh N xử phạt Đỗ Văn Q 22 tháng tù, phải nộp 543.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 47 ngày 31/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh N xử phạt Đỗ Văn Q 09 tháng tù, truy thu 205.000 đồng sung quỹ nhà nước và 200.000 đồng án phí về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; nhân thân (03): Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 13/3/2014 của Công an xã Đ, huyện K xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (hết thời hiệu thi hành). Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 17 ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện K thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 06/7/2019. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14 ngày

29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện K thời hạn 24 tháng, bị cáo chưa chấp hành do bị tạm giữ, tạm giam và xử phạt tù do phạm tội “Trộm cắp tài sản” ngày 11/7/2020 và 29/7/2020. Ngày 17/11/2022 Công an huyện K quyết định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 03/10/2022 đến ngày 06/10/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N “có mặt”.

- Bị hại: Anh Trần Văn L, sinh năm 1995, địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 305, khu Văn Miếu, phường T, thành phố N, tỉnh N; “vắng mặt”.

- *Người chứng kiến*: Ông Phan Văn M, sinh năm 1964; nơi cư trú: phố P 2, phường T, thành phố N, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn Q là người có tiền án về tội trộm cắp tài sản đã bị xác định là tái phạm, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành án trở về địa phương, Q làm nghề xây dựng cho các công trình trên địa bàn tỉnh N. Từ ngày 28/9/2022, Q làm thợ xây cho công trình xây dựng nhà ở tại địa chỉ ngõ 453, đường L, phố , phường T, thành phố N. Trong thời gian làm việc tại đây, Q th xuyên sang bàn uống nước trước cửa hàng xe máy đồng thời là nhà của anh Trần Văn L để nghỉ ngơi uống nước. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/10/2022, Q đang ngồi uống nước tại bàn trước cửa nhà anh L thì thấy anh L chuẩn bị chở con đi học. Sau khi anh L đi, Q thấy cửa ngoài vào nhà anh L mở, không có người ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q lén lút đi vào trong nhà anh L tìm kiếm tài sản có giá trị, khi đến phòng ngủ đang khép hờ không khóa, Q đẩy cửa đi vào trong. Q quan sát xung quanh phòng phát hiện trên mặt bàn cạnh giường ngủ có 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus 32 GB màu vàng Gold nên cầm lấy, bỏ vào túi quần bên phải phía trước của mình và rời khỏi nhà anh L. Sau đó, Q đi về khu vệ sinh cạnh lán thợ xây để cất giấu chiếc điện thoại vừa trộm cắp được dưới bạt quây nhà vệ sinh đợi khi thuận tiện đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong quá trình cất giấu, Q làm rơi chiếc điện thoại Iphone 6S Plus vừa trộm cắp xuống đất làm chiếc điện thoại bị rạn vỡ mặt kính. Quá trình điều tra, Đỗ Văn Q đã đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus 32GB màu vàng Gold, mặt kính điện thoại bị rạn vỡ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6S Plus 32GB, màu Gold (đã qua sử dụng) có giá trị 2.000.000 đồng, 01 mặt kính điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6S Plus 32GB có giá trị 200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 127/CT-VKSTPNB ngày 07 tháng 11 năm 2022 của

Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố để xét xử bị cáo Đỗ Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố.

Quá trình điều tra, tại các Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai (Từ Bút lục 61 đến bút lục 69) bị hại anh Trần Văn L khai: Khoảng 15 giờ 50 ngày 02/10/2022 anh L đang ở cửa hàng sửa chữa xe máy tại số nhà 59, ngõ 453, đường Lê Thái Tổ, phố B, phường T, thành phố N, anh có sử dụng điện thoại di động Iphone 6S Plus 32G màu vàng và để điện thoại trong phòng ngủ. Sau đó anh về nhà tại phố Văn Miếu, phường T, thành phố N để đưa con gái đi học. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày anh về đến cửa hàng, khi đi vào trong phòng ngủ anh thấy cửa mở, đi vào trong anh thấy mất điện thoại. Sau đó anh đến Công an phường T trình báo sự việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 03/10/2022.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đỗ Văn Q trình bày nhất trí với nội dung luận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Đỗ Văn Q đề nghị Tòa án xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Đỗ

Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng đã thu giữ, biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/10/2022 tại cửa hàng sửa xe máy của anh Trần Văn L ở số nhà 59, ngõ 453, đường Lê Thái Tổ, phố B, phường T, thành phố N, Đỗ Văn Q có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6S Plus 32GB, màu Gold trị giá 2.000.000 đồng của anh Trần Văn L. Bị cáo Đỗ Văn Q là người có đầy đủ năng lực hành vi, biết rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản là xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn cố ý thực hiện, bị cáo đã tái phạm nay tiếp tục phạm tội nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Đỗ Văn Q về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi sự việc bị phát hiện, Đỗ Văn Q đã đầu thú, khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Đầu thú” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt: Xét tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo đã tái phạm, mới chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, ngày

27/9/2022 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tại huyện K, hiện nay Công an huyện K đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Q về hành vi trộm cắp tài sản, vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo, giúp đỡ bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Khi lượng hình cần xem xét cân nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, xét thấy: Bị cáo là lao động tự do, không có công việc ổn định, không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus 32GB màu vàng Gold, mặt kính điện thoại bị rạn vỡ là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn L. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc điện thoại cho anh L là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Trần Văn L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Do bị tuyên có tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ (03/10/2022).
3. Án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn Q phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N (1);
- VKSND tỉnh N (1);
- VKSND TP N (1);
- Công an TP N (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh N (1);
- Sở tư pháp tỉnh N (1);
- Chi cục THA dân sự TP N (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
PHẠM DIỆU OANH**

(Đã ký)

